TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23-5-2022
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Việt

2. Bà Phan Hoàng Mai

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1993. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Cư trú: Ấp BT, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phú C, sinh năm 1990, Vắng mặt

Cư trú: Ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T, *trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lệ T và ông Nguyễn Phú C tự nguyện tìm hiểu sau đó tiến đến hôn nhân. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23 ngày 21/3/2016. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông C

ham chơi, không lo làm ăn mặc dù bà T đã nhiều lần khuyên răn nhưng ông C không thay đổi. Vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 7 năm 2021 đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông C.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung tên Nguyễn Quỳnh Thảo TR, sinh ngày 16/5/2018. Hiện nay cháu TR đang sống chung với bà T. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Ông Nguyễn Phú C vắng mặt trong quá trình tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T tranh chấp về ly hôn, nuôi con với ông C, tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông C có nơi cư trú tại thành phố L, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành biện pháp lấy lời khai làm rõ nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bà T và ông C.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1.1] Bà T và ông C tự nguyện quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23 ngày 21/3/2016. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình. Bà T

khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông C. Bà T cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông C ham chơi, không lo làm ăn mặc dù bà T đã nhiều lần khuyên răn nhưng ông C không thay đổi. Hiện tại vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 7 năm 2021 đến nay.

[3.1.2] Hội đồng xét xử xét: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông C không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, không tham dự các phiên hòa giải cũng như không tham dự các phiên tòa. Điều này thể hiện ông C không muốn đoàn tụ gia đình. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung tên Nguyễn Quỳnh Thảo TR, sinh ngày 16/5/2018. Hiện nay cháu TR đang sống chung với bà T. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.2.1] Xét thấy, cháu Nguyễn Quỳnh Thảo TR chưa thành niên, bà T có công việc làm ổn định đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu TR. Ông C không có ý kiến về yêu cầu được nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu TR, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu TR cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2.2] Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp ông C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông C.

[3.2.3] Bà T và ông C có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông C cũng không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ T. Bà Nguyễn Thị Lệ T được ly hôn với ông Nguyễn Phú C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 23 do Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Lệ T và ông Nguyễn Phú C ngày 21 tháng 3 năm 2016 hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Lệ T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Quỳnh Thảo TR, sinh ngày 16/5/2018.

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp ông C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông C.

Bà T và ông C có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con.

[3] Về cấp dưỡng: Không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001094 ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà T và ông C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều

7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- UBND phường Mỹ Thới;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Lan